

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 10/2024/HS-ST
Ngày: 18 – 03 – 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Hiến.

+ Bà Phạm Thị Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Bảo Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Trọng T; Tên gọi khác: Không; sinh ngày 12/5/1987 tại tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Chỗ ở hiện nay: thôn A, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số thẻ CCCD: 052087007543, ngày cấp: 10/8/2021, nơi cấp: Cục C về TTXH – Bộ C1. Con ông Trần Văn T1, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị B (chết); vợ: Đinh Thị Tuyết N; con: 02 người, sinh năm 2006 và 2009.

Tiền án: Ngày 27/12/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành án xong vào ngày 14/8/2022.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12/9/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo đang chấp hành án hình phạt tù theo Bản án số 84/2023/HS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân

dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định kể từ ngày 14/11/2023 đến ngày 05/3/2023⁴ tại Trại giam A Bộ C1. Từ ngày 06/3/2024 đến nay, bị cáo chấp hành án tại nhà tạm giữ Công an thị xã S, tỉnh Phú Yên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** vợ chồng anh Trần Thanh T2, sinh năm 1976, chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983. Nơi cư trú: khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 26/8/2023, Trần Trọng T (có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản) điều khiển xe mô tô biển số 77L1-238.54 của T đi từ xã P, huyện T, tỉnh Bình Định đến thị xã S, tỉnh Phú Yên để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, T điều khiển xe đến các tuyến đường thuộc xã X, thị xã S. Khi T nhìn thấy lán trại không có người trông coi thuộc thôn B, xã X, T lén lút vào lán trại lấy trộm 02 bao lúa có trọng lượng là 107 kg của anh T2, chị H rồi đặt lên xe mô tô chở đến xã X, thị xã S bán cho một người phụ nữ (không rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền 963.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Đến ngày 07/9/2023, T tiếp tục điều khiển xe mô tô 77L1-238.54 đến xã X, thị xã S để trộm cắp tài sản thì bị Công an xã X phát hiện đưa về trụ sở làm việc. Lúc này T tự khai báo trước khi trộm cắp 02 bao lúa của vợ chồng anh T2, chị H vào ngày 26/8/2023, T còn lén lút lấy trộm 01 máy cưa lóc màu vàng cam-đen, nhãn hiệu MITSU YAMA – TL7381 tại một nhà dân gần đường ĐT644 thuộc thôn B, xã X, thị xã S (chưa xác định được chủ sở hữu). T đem máy cưa lóc trộm cắp được về cất giấu tại nhà T ở thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Quá trình điều tra Công an thị xã S đã thu giữ máy cưa lóc nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 51/KL-HĐĐG ngày 27/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã S kết luận: tại thời điểm ngày 26/8/2023, tài sản bị trộm cắp có tổng trị giá là 1.963.000 đồng, trong đó: 107 kg lúa trị giá 963.000 đồng; 01 máy cưa lóc màu vàng cam –đen, nhãn hiệu MITSU YAMA – TL7381 đã qua sử dụng trị giá 1.000.000 đồng (BL số 40).

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKSSC ngày 20/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu truy tố bị cáo Trần Trọng T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần Trọng T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

Kiểm sát viên trình bày luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng số 04/CT-VKSSC ngày 20/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị HĐXX áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 173, điểm r,s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Trần Trọng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Trần Trọng T từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, đề nghị tổng hợp hình phạt 06 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2023/HS-ST ngày 12/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/11/2023.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập.

Về dân sự: buộc bị cáo bồi thường cho vợ chồng anh T2, chị H số tiền 963.000đ (*chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng*).

Về vật chứng vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô biển số 77L1 – 238.54 màu đen bạc, kiểu dáng sirius, số máy: VTT32JLP52FMH0224923, số máy: RRKWCH1UMAXT24923, số khung: RRKWCH1UMAXT24923 là phương tiện dùng vào việc phạm tội; trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu S J2 Pro màu vàng kem, gắn sim số 089756407 do không liên quan đến việc phạm tội (*theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 25/01/2024 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã S*).

Về án phí: buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Đối với người đã mua 02 bao lúa do T trộm cắp, T khai không biết nhân thân, lai lịch, địa chỉ người này nên không có cơ sở để xem xét xử lý.

Đối với 01 máy cưa lóc nhãn hiệu MITSU YAMA – TL7381, Cơ quan điều tra chưa xác định được chủ sở hữu nên tiếp tục tạm giữ để xác minh, xử lý sau.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm trở về làm công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã S, Điều tra viên, VKSND thị xã Sông Cầu và Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Trọng T tại Cơ quan điều tra, tại biên bản hỏi cung bị can của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với bản ảnh (BL 25, BL 27-29), biên bản ghi nhận hiện trường, kết luận định giá tài sản (BL 40) và phù hợp với các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 26/8/2023, tại thôn B, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, Trần Trọng T (*có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản*) lén lút trộm cắp 02 bao lúa của vợ chồng anh T2, chị H trị giá 963.000 đồng và 01 máy cưa lóc nhãn hiệu MITSU YAMA – TL7381 trị giá 1.000.000 đồng (*chưa xác định được chủ sở hữu*). Tổng giá trị tài sản Trần Trọng T đã chiếm đoạt là 1.963.000 đồng.

Mặc dù giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 1.963.000đ chưa đủ định lượng theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự nhưng bị cáo đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội. Hành vi trên đây của bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, nội dung Cáo trạng số 04/CT-VKSSC ngày 20/01/2024 của VKSND thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi đó là vi phạm pháp luật, đã từng bị Tòa án xét xử và kết án về hành vi tương tự nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật, nên áp dụng hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tự thú về hành vi trộm cắp 01 máy cưa vào ngày 26/8/2023 là những tình tiết giảm nhẹ trách

nhệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo.

Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù theo bản án số 84/2023/HS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về phần dân sự: quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại vợ chồng anh T2, chị H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 963.000đ (*chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng*). Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền nêu trên. Do đó, HĐXX buộc bị cáo phải bồi thường cho vợ chồng anh T2, chị H số tiền 963.000đ (*chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng*).

[8] Vật chứng vụ án:

Đối với 01 xe mô tô biển số 77L1 – 238.54 màu đen bạc, kiểu dáng sirius, số máy: VTT32JLP52FMH0224923, số máy: RRKWCH1UMAXT24923, số khung: RRKWCH1UMAXT24923, bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội và còn giá trị sử dụng nên tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu S J2 Pro màu vàng kem, gắn sim số 089756407 là tài sản của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Các vấn đề khác: Đối với người đã mua 02 bao lúa do Trần Trọng T trộm cắp, T khai không biết nhân thân, lai lịch, địa chỉ người này, không có cơ sở xem xét xử lý nên HĐXX không xem xét.

Đối với 01 máy cưa lóc nhãn hiệu MITSU YAMA – TL7381, Cơ quan điều tra chưa xác định được chủ sở hữu và đang tiếp tục tạm giữ để xác minh, xử lý sau nên HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: bị cáo Trần Trọng T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

3. Xử phạt: bị cáo Trần Trọng T 09 (chín) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 06 (sáu) tháng tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2023/HS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Buộc bị cáo Trần Trọng T phải chấp hành hình phạt chung là: 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/11/2023.

Hình phạt bổ sung: không áp dụng.

4. Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho vợ chồng anh Trần Thanh T2, chị Nguyễn Thị H số tiền **963.000đ** (*chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng*).

5. Về vật chứng:

Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô biển số 77L1 – 238.54 màu đen bạc, kiểu dáng sirius, số máy: VTT32JLP52FMH0224923, số máy: RRKWCH1UMAXT24923, số khung: RRKWCH1UMAXT24923.

Trả cho bị cáo: 01 điện thoại di động hiệu S J2 Pro màu vàng kem, gắn sim số 089756407.

(Theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 25/01/2024 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã S).

6. Về án phí: buộc bị cáo Trần Trọng T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Sông Cầu;
- CQCSĐT-Công an thị xã Sông Cầu;
- CQTHAHS-Công an thị xã Sông Cầu;
- Chi cục THADS thị xã Sông Cầu;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Ngọc Hà

